

Số: 11 /2017/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020
Nguồn vốn ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 1751/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

1. Mục tiêu

Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020.

2. Định hướng

a) Tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của địa phương, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách làm cơ sở đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh,

có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền; khai thác tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư;

b) Ưu tiên vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ về nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; các nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu;

c) Việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đầu tư cho các ngành, lĩnh vực, các chương trình phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 (Sau đây được viết tắt là Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg) và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ nhất về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020

1. Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX và các văn bản liên quan.

3. Bố trí vốn đầu tư tập trung để khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, dờ dang, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; bố trí đủ vốn đối ứng các dự án ODA. Đồng thời, có các giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách, các chương trình mục tiêu, làm cơ sở thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền.

4. Các huyện, thành phố được bố trí vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 phải cam kết bố trí phần vốn còn thiếu từ nguồn ngân sách huyện, thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn, huyện, thành phố phải tự cân đối vốn bổ sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng quy định.

Điều 3. Thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020

1. Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; thu hồi các khoản ứng trước;
2. Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;
3. Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020;
4. Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, trường hợp còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới.

Điều 4. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh

Tổng kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh là **7.790,947 tỷ đồng** (ngân sách tập trung: 1.192 tỷ đồng, xô số kiến thiết: 6.068 tỷ đồng, nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu: 530,947 tỷ đồng) được phân bổ như sau:

1. Tỉnh quản lý

Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh-tỉnh quản lý là **4.417,5 tỷ đồng** (ngân sách tập trung: 1.012 tỷ đồng, xô số kiến thiết: 3.405,5 tỷ đồng), gồm:

- Chuẩn bị đầu tư: 145 tỷ đồng;
- Thực hiện đầu tư: 3.620,5 tỷ đồng;
- Dự phòng: 652 tỷ đồng.

Kế hoạch vốn thực hiện đầu tư được phân bổ cho các lĩnh vực:

(1) Lĩnh vực Giao thông

Kế hoạch vốn là 1.290 tỷ đồng (xô số kiến thiết), đầu tư 24 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 05 dự án với tổng vốn đầu tư là 335,96 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 19 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 954,04 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020 là 10 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 550,84 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 09 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 403,2 tỷ đồng.

(2) Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Kế hoạch vốn là 360 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 100 tỷ đồng, xô số kiến thiết: 260 tỷ đồng), đầu tư 49 dự án/đề án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 03 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 37,70 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 46 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 322,30 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 45 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 307,17 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 01 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 15,13 tỷ đồng.

(3) Lĩnh vực Y tế

Kế hoạch vốn là 510 tỷ đồng (xổ số kiến thiết), đầu tư 23 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 07 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 165,27 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 16 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 344,73 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 14 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 339,65 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 02 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 5,08 tỷ đồng.

(4) Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Kế hoạch lĩnh vực Giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 267,5 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 200 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 67,5 tỷ đồng) đầu tư 26 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 39,95 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 22 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 227,55 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 17 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 214,67 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 05 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 12,88 tỷ đồng.

(5) Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

Kế hoạch vốn là 220 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 110 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 110 tỷ đồng) đầu tư 18 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 02 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 13,7 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 16 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 206,3 tỷ đồng.

(6) Lĩnh vực Khu dân cư, cụm dân cư biên giới

Kế hoạch vốn là 150 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 11 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 139 tỷ đồng) đầu tư 07 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 01 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 25 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020 (hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020): 06 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 125 tỷ đồng.

(7) Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, xã hội

Kế hoạch vốn là 290 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 40 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 250 tỷ đồng), đầu tư 34 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 02 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 65,93 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 32 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 224,07 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 21 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 164,07 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 11 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 60 tỷ đồng.

(8) Lĩnh vực An ninh quốc phòng

Kế hoạch vốn là 259 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 200 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 59 tỷ đồng), đầu tư 23 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 82,85 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 19 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 176,15 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020: 18 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 172,65 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 01 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 3,5 tỷ đồng.

(9) Lĩnh vực Trụ sở cơ quan, khác

Kế hoạch vốn là 274 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 149 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 125 tỷ đồng), đầu tư 55 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 79,54 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016 - 2020: 51 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 194,46 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh là **2.842,5 tỷ đồng** (ngân sách tập trung: 180 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 2.662,5 tỷ đồng) hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố đầu tư:

(1) Nông thôn mới bố trí 1.230 tỷ đồng, phân bổ như sau: 135 tỷ đồng/huyện, thành phố; riêng 5 huyện biên giới, mỗi huyện 138 tỷ đồng/huyện.

(2) Phát triển thành phố, thị xã bố trí 640 tỷ đồng, phân bổ như sau: thành phố Tây Ninh: 200 tỷ đồng, huyện Trảng Bàng: 190 tỷ đồng, huyện Hòa Thành: 190 tỷ đồng, huyện Gò Dầu: 60 tỷ đồng.

(3) Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia bố trí 124,5 tỷ đồng.

(4) Đối ứng Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ bố trí 20 tỷ đồng.

(5) Xây mới trường học thuộc Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017 - 2020 bố trí 98 tỷ đồng.

(6) Hỗ trợ khác bố trí 730 tỷ đồng, phân bổ như sau: 80 tỷ đồng/huyện, thành phố; riêng 02 huyện Châu Thành, Bến Cầu mỗi huyện 85 tỷ đồng.

3. Về nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu

Kế hoạch 05 năm 2016 - 2020 là **530,947 tỷ đồng** tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu (trong đó có các dự án đồn biên phòng tỉnh đã có cam kết với trung ương sẽ đối ứng vốn thực hiện) và các dự án khác theo quy định.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 5. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển. Các sở, ngành, huyện, thành phố thực hiện tiết kiệm trong từng dự án theo quy định của Chính phủ.

2. Hạn chế tối đa việc ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm việc ứng trước kế hoạch phù hợp với quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và phải bảo đảm có nguồn thanh toán các khoản vốn ứng trước.

3. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng trong trường hợp nguồn thu ngân sách nhà nước được đảm bảo theo kế hoạch và được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

4. Bố trí phần vốn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn.

5. Người đứng đầu các sở, ngành tỉnh và huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tham mưu hoặc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

6. Tăng cường tham mưu hoặc thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay; xử lý nghiêm cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật về đầu tư công đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh và phân bổ đúng quy định.

b) Chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư đối với các dự án trọng điểm, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định của Luật đầu tư công.

Rà soát các dự án trong Danh mục bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật đầu tư công. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư, tuân thủ nghiêm túc mục tiêu, định hướng, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

c) Thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2017. / *nh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.VP HĐND tỉnh.



Nguyễn Thành Tâm



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 11.../2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020				GHI CHÚ
		TỔNG CỘNG	Trong đó:			
			NSTT	XSKT	Nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu	
	TỔNG	7,790,947	1,192,000	6,068,000	530,947	
I	TỈNH QUẢN LÝ	4,417,500	1,012,000	3,405,500		Phụ lục I
A	Chuẩn bị đầu tư	145,000	40,000	105,000		
B	Thực hiện đầu tư	3,620,500	810,000	2,810,500		
1	Giao thông	1,290,000		1,290,000		
2	Nông nghiệp và PTNT	360,000	100,000	260,000		
3	Y tế	510,000		510,000		
4	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	267,500	200,000	67,500		
5	Khoa học và công nghệ	220,000	110,000	110,000		
6	Khu dân cư, cụm dân cư biên giới	150,000	11,000	139,000		
7	Văn hóa - Thể thao - Xã hội	290,000	40,000	250,000		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020			GHI CHÚ
		TỔNG CỘNG	Trong đó:		
			NSTT	XSKT	
8	An ninh quốc phòng	259,000	200,000	59,000	
9	Trụ sở làm việc các cơ quan, khác	274,000	149,000	125,000	
C	Dự phòng	652,000	162,000	490,000	
II	HUYỆN QUẢN LÝ	2,842,500	180,000	2,662,500	Phụ lục II
III	VỀ NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN RA VÀO CỬA KHẨU	530,947		530,947	Phụ lục III

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020
NGUỒN VỐN TÍNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số **11**/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP												
6	7	8	9	10	11	12	17	18	21	22	25	26	35						
TỔNG SỐ							12,033,137	8,246,761	1,089,351	834,665	1,020,337	834,665	8,026,920	4,417,500	968,347	740,647	830,221	787,991	
A	Chuẩn bị đầu tư											145,000	145,000	7,710	7,710	50,000	50,000		
B	Thực hiện dự án					12,033,137	8,246,761	1,089,351	834,665	1,020,337	834,665	7,229,920	3,620,500	960,637	732,937	780,221	737,991		
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020</i>					2,192,379	1,036,339	370,108	148,443	301,094	148,443	1,583,590	335,960	281,700	79,000	180,230	138,000		
b	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>					2,192,379	1,036,339	370,108	148,443	301,094	148,443	1,583,590	335,960	281,700	79,000	180,230	138,000		
	<i>Trong đó:</i>																		
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>																		
1	Nâng cấp, mở rộng đường 788 (từ ngã ba Vịnh đến ngã ba Lò Gò)	Tân Biên	31,36km	2014-2017	2171/QĐ-UBND 30/10/2013	372,000	372,000	127,000	127,000	127,000	127,000	73,000	73,000	60,000	60,000	13,000	13,000		
2	Đường 794 từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 1)	Tân Châu	17,283 km BTXM	2015-2019	2466/QĐ-UBND 28/10/2014	528,848	318,848	18,700		18,700		450,000	173,000	113,700	16,000	92,230	50,000	Vốn trung ương: 72,7 tỷ đồng, vốn HTCK 2016 40 tỷ	
3	Đường và cầu Bến Đình	Gò Dầu, Bến Cầu	8km	2013-2017	2110/QĐ-UBND 23/10/2013	311,027	203,027	106,965	3,000	106,965	3,000	132,000	27,000	105,000		27,000	27,000	Năm 2016: Vốn HTCK 100 tỷ; vốn TWHT 5 tỷ	
4	Đường Nguyễn Trọng Cát, phường Hiệp Ninh, Thị xã Tây Ninh (nay là Thành phố Tây Ninh)	TP. Tây Ninh	1,292 km BTN	2014-2016	417/QĐ-SKHĐT 31/10/2012; 365/QĐ-SKHĐT 17/12/2015	34,839	34,839	15,095	15,095	15,095	15,095	16,260	16,260	3,000	3,000	3,000	3,000		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
5	Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh	Mộc Bài, Bến Cầu	13km BTNN, cấp nước 7000m ³ /ng, XLNT 9000m ³ /ng, thu hồi, phân loại rác	2014-2018	140/QĐ-BQLKKT 26/7/2012	945,665	107,625	102,348	3,348	33,334	3,348	912,330	46,700			45,000	45,000	Đổi ứng từ nguồn XSKT
(2)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					4,758,456	3,156,769					2,830,040	954,040	38,000	13,000	198,000	198,000	
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020</i>					2,470,437	1,138,201					2,254,840	550,840	38,000	13,000	198,000	198,000	
6	Đường cửa khẩu biên mậu (Tiểu dự án Đường Ká Tum- Tân Hà)	Tân Châu	10.645,76m	2016-2020	2489/QĐ-UBND 30/10/2015	120,000	120,000					115,000	90,000	25,000		50,000	50,000	Năm 2016: Vốn HTCK 25 tỷ
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ CMT8 đến đường Châu Văn Liêm)	Hòa Thành	1,101km BTN, bmd=14m, bnd=30m	2016-2017	299/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	36,599	36,599					31,550	31,550	13,000	13,000	13,000	13,000	
8	Đường ra cửa khẩu biên mậu - Tiểu dự án đường Tà Nông	Châu Thành	6.506,48m, bmd=7m, bnd=9m	2017-2020	2791/QĐ-UBND 28/10/2016	37,942	37,942					32,800	32,800			20,000	20,000	
9	Nâng cấp, cải tạo và ngầm hóa đường 30-4	TP. TN	5,4km BTN, bmd=22m, bnd=38m, ngầm hóa HTKT đô thị bằng hào kỹ thuật	2017-2020	2792/QĐ-UBND 28/10/2016	360,000	360,000					224,890	224,890			70,000	70,000	
10	Mở rộng đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ giao lộ Nguyễn Huệ đến cầu Năm Trại)	Hòa Thành	7.205m, mặt đường 15m, lề 1m, vỉa hè 14m	2017-2018	2793/QĐ-UBND 28/10/2016	89,000	89,000					80,000	80,000			30,000	30,000	
11	Đường 790 nối dài, đoạn từ Khedol - Suối Đá (ĐT.790B) đến Bờ Hồ - Bàu Vương - Cổng số 3 (ĐT.781B)	DMC	5.769,97m BTN, bmd=7m, bnd=9m	2017-2018	339/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	29,660	29,660					26,600	26,600			15,000	15,000	
12	Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B	TP. TN	4,16km BTN, cầu Thái Hòa	2018-2020		115,500	5,000					100,000	5,000					Vốn TWHT 95 tỷ
13	Đường Phước Vinh - Sóc Thiết - Tả Xía	Châu Thành, Tân Biên	18,647km BTN	2018-2020		108,625	5,000					82,000	5,000					Vốn TWHT 77 tỷ
14	Đường 781 đoạn từ ngã ba Bờ Hồ đến địa giới tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2)	DMC	14,75km BTN	2018-2020		86,111	5,000					75,000	5,000					Vốn TWHT 70 tỷ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSĐP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP											
15	Nâng cấp, mở rộng ĐT 782 - ĐT 784 -ĐT 793 - ĐT 792 (từ ngã ba tuyến tránh QL22B đến cửa khẩu Chàng Riệc)	Trảng Bàng, Dương Minh Châu, Tân Biên	92,288km BTN	2017-2020		1,487,000	450,000					1,487,000	50,000					DA PPP (BOT); phần vốn NN góp - NS tính 450 tỷ đồng; trước mắt bố trí 50 tỷ đồng, phần còn lại sẽ cân đối bố trí từ các nguồn: vốn phát triển quỹ đất, vay vốn SX Tỉnh ủy; quỹ phát triển đầu tư và vốn tăng thu
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>					2,288,019	2,018,568					575,200	403,200					-
16	Đường và cầu Bến Cây Ôi	Châu Thành	cầu BTCT 240m, đường đầu cầu 1km	2018-2021		164,774	10,000					100,000	10,000					Vốn TWHT 90 tỷ
17	Đường Đất Sét - Bến Cùi	DMC	13,729km BTN, bmd = 7m, bnd = 12m	2018-2021		210,000	210,000					130,000	130,000					
18	Cầu An Hòa	Trảng Bàng	cầu BTCT DUL, L=452,33m	2018-2021		369,000	369,000					150,000	150,000					
19	Đường từ ngã ba ĐT.781 - Bờ hồ Dầu Tiếng đến ĐT.785 ngã tư Tân Hưng	Dương Minh Châu, Tân Châu	12,6km BTN, bmd = 7m, bnd = 9m	2019-2022		119,677	5,000					87,000	5,000					Vốn TWHT 82 tỷ
20	Đường Trần Phú (đoạn từ cửa số 7 nội ở Tòa Thánh đến QL22B)	Hòa Thành	6,9km BTN, bmd = 14m, bnd = 40m	2019-2021		199,795	199,795					40,000	40,000					
21	Đường 781 từ thị trấn Châu Thành đến cửa khẩu Phước Tân	Châu Thành	15,235km BTN, bmd = 8m, bnd = 9m	2019-2021		85,000	85,000					56,200	56,200					
22	Đường 794 đoạn từ ngã ba Ká Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	Tân Châu	17km BTXM	2020-2023		500,000	500,000					5,000	5,000					

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế số vốn đã bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
23	Đường 787B đoạn từ ngã tư Hai Châu đến giao với đường ĐT.789	Trảng Bàng	15km BTN	2020-2022		193,573	193,573					5,000	5,000					
24	Đường Hoàng Lê Kha (đoạn từ CMT8 đến đường Bời Lời)	TP. TN	4,2km BTN, bmd=15m, bnd=22m	2020-2024		446,200	446,200					2,000	2,000					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					51,547	51,547	6,460	3,460	6,460	3,460	37,700	37,700	14,340	14,340	8,000	8,000	
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					51,547	51,547	6,460	3,460	6,460	3,460	37,700	37,700	14,340	14,340	8,000	8,000	
	Trong đó:																	
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020																	
1	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững	toàn tỉnh		2016-2020		33,500	33,500					30,500	30,500	7,140	7,140	8,000	8,000	
	Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020			2016-2020	457/QĐ-UBND 26/02/2016	237,682	237,682					6,038	6,038					
	Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh đến giai đoạn 2011-2020			2011-2020	1837/QĐ-UBND 29/9/2012	431,152	431,152					23,865	23,865					
	Dự án trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2017			2015-2017	2456/QĐ-UBND 28/10/2014	1,492	1,492					582	582					
2	Nâng cấp mở rộng suối Cầu Đúc, huyện Gò Dầu	Gò Dầu	3,6km	2014-2016	477/QĐ-SKHĐT 27/12/2012 169/QĐ-SKHĐT 05/8/2015 (đc)	10,419	10,419	3,460	3,460	3,460	3,460	3,900	3,900	3,900	3,900			
3	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp 2, xã Suối Ngõ	Tân Châu	cung cấp nước cho 600 hộ dân	2015-2016	320/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	7,628	7,628	3,000		3,000		3,300	3,300	3,300	3,300			
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					411,205	411,205					322,300	322,300	29,340	29,340	58,700	58,700	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020					356,947	356,947					307,170	307,170	29,340	29,340	58,700	58,700	
4	Kênh tiêu vùng Rau Muống	DMC, Hòa Thành, TP. TN	tiêu cho 536ha	2016-2017	293/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	10,000	10,000					7,500	7500	6,000	6,000	2,000	2,000	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
5	Vùng lúa chất lượng cao xã An Thạnh, huyện Bến Cầu	Bến Cầu	Xd tuyến kênh dài 5.595m	2016-2017	286/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	26,895	26,895					5,500	5,500	3,740	3,740	1,000	1,000	
6	Nâng cấp mở rộng suối Bà Tươi	Gò Dầu	tiểu cho 1.584ha	2015-2017	244/QĐ-SKHĐT 31/10/2014	24,984	24,984					20,500	20,500	6,000	6,000	7,000	7,000	
7	Kéo dài kênh PC4, trạm bơm Phước Chi	Trảng Bàng	Tưới 150 ha đất sản xuất	2015-2016	269/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	3,945	3,945					3,750	3,750	2,000	2,000			
8	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	Tân Bình, Tân Biên	Diện tích: 1317,3m2	2015-2016	335/QĐ-SKHĐT 31/12/2014; 214/QĐ-SKHĐT 06/10/2015 (đc)	4,185	4,185					3,650	3,650	3,500	3,500			
9	Duy tu sửa chữa các công trình đã xây dựng tại Vườn Quốc gia Lò Gò-Xa Mát	Tân Bình, Tân Biên	Sửa chữa các công trình dân dụng	2016	195/QĐ-SKHĐT 10/9/2015	932	932					900	900	800	800			
10	Các công trình phục vụ du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Lò Gò-Xa Mát	Tân Bình, Tân Biên	Xây mới nhà làm việc, nhà đón tiếp khách, bến thuyền chốt bảo vệ rừng Lò Gò và trạm dừng chân chốt bảo vệ rừng suối Vắt	2016	301/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	8,241	8,241					7,500	7,500	7,300	7,300			
11	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP	toàn tỉnh		2016-2020		33,000	33,000					30,000	30,000					
12	Bê tông hóa kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và khôi phục kênh N26-16, N26-26-3	Trảng Bàng	tưới 100ha	2017-2018	316/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4,331	4,331					4,100	4,100			3,200	3,200	
13	Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400	Dương Minh Châu	Đảm bảo kênh vận hành an toàn	2017	315/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4,687	4,687					4,400	4,400			3,500	3,500	
14	Bê tông hóa các tuyến kênh cấp II của kênh N4 (kênh N4-5; kênh N4-7)	Dương Minh Châu	Cung cấp tưới nước cho khoảng 167 ha đất sản xuất nông nghiệp	2017-2018	317/QĐ-SKHĐT 28/10/2017	3,967	3,967					3,700	3,700			3,000	3,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP											
15	Đê bao Phước Hội, xã Phước Chi	Trảng Bàng	cấp nước tưới 210ha, L=7354m	2017-2018	309/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	14,971	14,971					14,800	14,800			7,000	7,000	
16	Đê bao Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	Gò Dầu	cấp nước tưới 226ha, L=3700m	2017-2018	310/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	7,204	7,204					7,100	7,100			4,000	4,000	
17	Nạo vét kênh tiêu Cầu Da ra sông Vàm Cỏ (T13 và T13A)	Châu Thành	Dài 7550m	2017-2018	297/QĐ-SKHĐT 26/10/2016	9,266	9,266					8,500	8,500			4,500	4,500	
18	Nạo vét kênh tiêu Tả Xĩa	Tân Biên	Tiêu 500ha	2017-2019	296/QĐ-SKHĐT 26/10/2016	14,857	14,857					13,500	13,500			6,000	6,000	
19	Xây mới HTCN ấp Tân Lâm, xã Tân Hà	Tân Châu	287 m3/ngày đêm, 200 hộ	2016-2018	324/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	6,441	6,441					6,200	6,200			5,000	5,000	
20	Xây mới HTCN ngã 3 Bỏ Túc	Tân Châu	426 m3/ngày đêm, 550 hộ	2016-2018	314/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	8,740	8,740					8,400	8,400			4,000	4,000	
21	Trạm kiểm soát lửa rừng, Ban quản lý rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Tân Hòa, Tân Châu	cao 31m, 2 trạm áp Trảng Trai và áp Con Trăn	2017	325/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4,000	4,000					4,000	4,000			3,000	3,000	
22	PCCC và rèn luyện sức khỏe (VQG)	Tân Biên	Xây mới khu liên hiệp thể thao phục vụ khách du lịch và cán bộ Vườn QG kết hợp hồ nước dùng PCCC cho khu lâm viên của Vườn QG	2017	264/QĐ-SKHĐT 30/10/2016	5,118	5,118					4,800	4,800			4,000	4,000	
23	Trạm kiểm soát lửa, phòng chống cháy rừng tại Khu rừng văn hóa lịch sử Chàng Riệc	Tân Biên	cao 34m, DTXD 152m2	2017	325/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	2,302	2,302					2,200	2,200			1,500	1,500	
24	Nạo vét rạch Trà Cú phục vụ tưới vùng mía Thành Long, Tây Ninh	Châu Thành	Dài 5450m	2017-2018		14,500	14,500					14,000	14,000					
25	Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	Tân Châu	Tiêu 1 485ha	2018-2020		25,000	25,000					22,700	22,700					
26	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Long Phi, xã Long Thuận	Bến Cầu	150 m3/ngày đêm, 350 hộ	2017-2018		1,300	1,300					1,100	1,100					
27	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Long Hòa 1, xã Long Chử	Châu Thành	300 m3/ngày đêm, 372 hộ	2017-2018		1,500	1,500					1,350	1,350					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương		Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
28	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp 4, xã Suối Dây	Tân Châu	120 hộ	2018		1,700	1,700					1,550	1,550					
29	Đề bao chuyển đổi cơ cấu cây trồng áp Phước Đông xã Phước Chí	Trảng Bàng	cấp nước tưới 120ha, L=3444m	2018-2020		10,000	10,000					9,160	9,160					
30	Nạo vét kênh tiêu Rổng Tượng	Trảng Bàng	tiêu 200ha	2018-2020		3,600	3,600					3,300	3,300					
31	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Long Châu, xã Long Vĩnh	Châu Thành	cung cấp nước cho 2500 hộ dân	2015-2016	321/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	1,705	1,705					1,620	1,620					
32	Trạm bơm và kênh tưới xã Suối Đá, xã Phan	Suối Đá, Phan, Bàu Năng DMC	tưới 800ha	2018-2020		28,000	28,000					25,000	25,000					
33	Kênh tiêu Tân Hà	Tân Châu	tiêu 2350ha	2019-2020		4,000	4,000					3,600	3,600					
34	Kênh tiêu Hội Thành	Tân Châu	tiêu 1700ha	2018-2020	2477/QĐ-SKHĐT 14/10/2010	13,546	13,546					12,200	12,200					
35	Kênh tiêu Hội Thành	Tân Châu	tiêu 1885ha	2018-2020	2466/QĐ-SKHĐT 14/10/2010	8,379	8,379					7,550	7,550					
36	Kênh TT3 xã Thạnh Bình	Tân Biên	3,3km đường và đặt công tiêu chống ngập ứng 350ha	2019-2020		6,000	6,000					5,400	5,400					
37	Xây mới HTCN áp Long Hòa, xã Long Thuận	Bến Cầu	500 hộ	2018-2020		8,000	8,000					8,000	8,000					
38	Nâng cấp, sửa chữa HTCN xã Phan	Dương Minh Châu	290m3/ngđ; 500 hộ	2018-2020		1,500	1,500					1,500	1,500					
39	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Thạnh, xã Tân Bình	Tân Biên	150m3/ngđ; 400 hộ	2018-2020		1,060	1,060					1,000	1,000					
40	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Phước Hưng 2, xã Phước Chí	Trảng Bàng	150m3/ngđ; 220 hộ	2018-2020		3,746	3,746					3,500	3,500					
41	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Thạnh Trung, xã Thạnh Tây	Tân Biên	1150 hộ	2019-2020		10,000	10,000					9,500	9,500					
42	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Hòa, xã Tân Bình	TP. TN	100m3/ngđ; 240 hộ	2018-2020		1,755	1,755					1,650	1,650					
43	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Phước Tân, xã Phước Ninh	DMC	100m3/ngđ; 190 hộ	2019-2020		1,340	1,340					1,250	1,250					
44	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Nam, xã Tân Bình	Tân Biên	100m3/ngđ; 190 hộ	2019-2020		1,340	1,340					1,250	1,250					